

Số: 80/2024/QĐST-HNGĐ

Cầu Ngang, ngày 19 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Dương

2. Ông Trương Văn Mên

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 169/2024/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà La Thị Châu B, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Lê Hồng C, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà La Thị Châu B và ông Lê Hồng C thuận tình ly hôn.

- *Về nuôi con tên*: Lê Hảo M, sinh ngày 22/4/2010 (*có nguyện vọng sống chung với mẹ*). Bà La Thị Châu B và ông Lê Hồng C thỏa thuận quyền nuôi con như sau:

+ Bà La Thị Châu B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Lê Hảo M, sinh ngày 22/4/2010 sau khi ly hôn.

+ Ông Lê Hồng C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa Tòa án đã giải thích các Điều 107, 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nhưng bà B và ông C không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình nhưng bà B và ông C không có tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện và không đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà La Thị Châu B tự nguyện chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà La Thị Châu B đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001085, ngày 18/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Bà La Thị Châu B đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Đương sự;
- UBND xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Trần Ngọc Hùng Anh